

**TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 03-01-2024  
“V/v Ly hôn”

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Xuân Thu.

*Các Hội thẩm N dân:*  
1. Ông Nguyễn Văn Hà  
2. Ông Nguyễn Văn Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án N dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1969, địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1969, địa chỉ: đường N, khu phố P, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Bà H và ông Đ chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu N sinh ngày 02/6/1990 và Nguyễn Thu T sinh ngày 17/3/1992, nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn ở chung, đã ly thân từ năm 2021 và không ai còn quan tâm đến ai, có gặp nhau hàn gắn nhưng không thành. Nguyên N mâu thuẫn là do sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ năm 2017 đến nay ông Đ đi làm để tiền riêng, ông Đ xài riêng không có đưa tiền cho bà H, bà H đi làm lo chi phí cho gia đình nên không có tiền để đưa cho ông Đ, ngoài ra ông Đ có quen với nhiều phụ nữ mà ông Đ lại cho rằng bà H lấy người khác, bà H quá bức xúc, ông Đ cầm cây đánh bà H mấy lần ở nhà, có lần

cầm cây rượt bà H chạy ra đến chợ. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm gì với ông Đ nữa nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu N sinh ngày 02/6/1990 và Nguyễn Thu T sinh ngày 17/3/1992. Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà H và ông Đ có tài sản chung là 01 căn nhà bà H đang ở nhưng bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ:* Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà H, khoảng mấy tháng nay ông Đ về nhà của mẹ ông Đ ở, không còn ở chung với bà H, hiện nay bà H ở cùng con trai. Do ông Đ bị bệnh tim, không có việc làm mà bà H không có cho tiền nên ông Đ về nhà của mẹ ở để mẹ ông Đ cho tiền chữa bệnh và nuôi ông Đ. Do bà H chửi ông Đ, ông Đ ngại với người ta nên có lấy cây rượt bà H chạy để hù dọa chứ không có ý định đánh bà H. Tài sản chung: ông Đ và bà H có tài sản chung nhưng do ông Đ không đồng ý ly hôn nên ông Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Bà H và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn N hợp pháp. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là trầm trọng không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn N: Bà H và ông Đ tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn N hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ là có thật, vợ chồng sống không hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, bà H và ông Đ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể về chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung giữa bà H và ông Đ không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

+ Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 luật Hôn N và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử** : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn N: Bà Phạm Thị H được ly hôn ông Nguyễn Hữu Đ.

- **Về con chung**: Có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu N sinh ngày 02/6/1990 và Nguyễn Thu T sinh ngày 17/3/1992. Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn N gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004216 ngày 07/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, bà H đã nộp đủ.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (03/01/2024) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- THA huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- UBND TT P;
- Lưu hồ sơ.

**Châu Nguyễn Xuân Thu**